

Số: 756/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 28 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế triển khai thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 737/QĐ-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 283/TTr-SNV ngày 22 tháng 3 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.



Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các thành viên Ban chỉ đạo thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- Lưu: VT, KN2.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Phương



QUY CHẾ

Hoạt động của Ban chỉ đạo thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 -2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế
(Kèm theo Quyết định số **756/QĐ-UBND** ngày **28/3/2022**
của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về nguyên tắc, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc và quan hệ công tác của Ban chỉ đạo thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022- 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (sau đây viết tắt là Ban chỉ đạo Đề án 06 tỉnh).

2. Quy chế này áp dụng đối với các thành viên Ban chỉ đạo, Cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo thực hiện Đề án 06 tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động

1. Ban chỉ đạo chịu trách nhiệm trước Tổ công tác Đề án 06 của Chính phủ, UBND tỉnh về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Đề án và Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo.

2. Ban chỉ đạo làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số, đề cao trách nhiệm cá nhân của các thành viên Ban chỉ đạo và trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được phân công; giải quyết công việc theo đúng thẩm quyền và trách nhiệm được phân công, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và quy định tại Quy chế này. Ban chỉ đạo tự giải thể khi đã hoàn thành triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại Đề án.

3. Ban chỉ đạo và thành viên Ban chỉ đạo không làm thay chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong hệ thống hành chính nhà nước.

4. Trưởng Ban chỉ đạo, Phó Trưởng Ban thường trực Ban chỉ đạo sử dụng con dấu của Ủy ban nhân dân tỉnh, các thành viên khác sử dụng con dấu của cơ quan mình để thực hiện nhiệm vụ được giao của Ban chỉ đạo.

5. Các thành viên Ban chỉ đạo chủ động giải quyết công việc trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử, thể Căn cước công dân phục vụ tiến trình chuyển đổi số quốc

gia, gắn kết chặt chẽ với cải cách hành chính; xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số phù hợp với Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

6. Bảo đảm yêu cầu phối hợp công tác, trao đổi thông tin trong giải quyết công việc theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Chương II **NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN**

Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng Ban chỉ đạo

1. Chịu trách nhiệm trước Tổ công tác Đề án 06 của Chính phủ, UBND tỉnh về hoạt động của Ban chỉ đạo; báo cáo Tổ công tác Đề án 06 của Chính phủ, UBND tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ của Ban chỉ đạo.

2. Chỉ đạo, điều hành toàn diện về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và hoạt động của Ban chỉ đạo; phân công nhiệm vụ các thành viên Ban chỉ đạo; ban hành chương trình, kế hoạch công tác, kiểm tra hàng năm của Ban chỉ đạo.

3. Phê duyệt và chỉ đạo tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động của Ban chỉ đạo.

4. Triệu tập và chủ trì các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất của Ban chỉ đạo; chỉ đạo chuẩn bị nội dung, các vấn đề đưa ra thảo luận ở Ban chỉ đạo.

5. Ủy quyền cho Phó Trưởng Ban thường trực chỉ đạo, điều hành hoạt động của Ban chỉ đạo giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của Trưởng Ban chỉ đạo khi cần thiết.

6. Tham mưu đề xuất Chính phủ, Bộ Công an, các bộ, ban, ngành Trung ương và UBND tỉnh tháo gỡ vướng mắc trong triển khai Đề án, khen thưởng, xử lý theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật; đề nghị cơ quan cử thành viên thay thế thành viên Ban chỉ đạo nếu không hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Trưởng ban thường trực Ban chỉ đạo

1. Giúp Trưởng Ban chỉ đạo trực tiếp chỉ đạo, điều hành các hoạt động của Ban chỉ đạo; xem xét, giải quyết các công việc thường xuyên của Ban chỉ đạo. Khi Trưởng Ban chỉ đạo vắng mặt, Phó Trưởng Ban thường trực thay mặt Trưởng Ban chỉ đạo lãnh đạo công tác của Ban chỉ đạo.

2. Ký thay Trưởng Ban chỉ đạo các văn bản, kết luận khi được Trưởng Ban chỉ đạo phân công hoặc ủy quyền.

Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Trưởng Ban chỉ đạo - Giám đốc Công an tỉnh

1. Chịu trách nhiệm phối hợp thực hiện, kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức triển khai các nhiệm vụ tại Đề án của các sở, ngành, địa phương, kịp thời báo

cáo Trưởng Ban chỉ đạo để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Đề án.

2. Giúp Trưởng Ban chỉ đạo chỉ đạo, điều hành các công việc của Ban chỉ đạo theo kế hoạch, nhiệm vụ được Trưởng Ban chỉ đạo phân công hoặc ủy quyền.

3. Ký thay Trưởng Ban chỉ đạo các văn bản, kết luận đề đơn đốc các công việc được Ban chỉ đạo phân công và thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Công an tỉnh được Chủ tịch UBND tỉnh giao.

4. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Trưởng Ban chỉ đạo.

Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Trưởng Ban chỉ đạo - Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông

1. Chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban chỉ đạo về việc thực hiện nhiệm vụ được phân công.

2. Giúp Trưởng Ban chỉ đạo chỉ đạo, điều hành các công việc của Ban chỉ đạo theo kế hoạch, nhiệm vụ được Trưởng Ban chỉ đạo phân công hoặc ủy quyền.

3. Ký thay Trưởng Ban chỉ đạo các văn bản, kết luận đề đơn đốc các công việc được Ban chỉ đạo phân công và thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng UBND tỉnh và Sở Thông tin và Truyền thông được Chủ tịch UBND tỉnh giao.

4. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Trưởng Ban chỉ đạo.

Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của các thành viên Ban chỉ đạo

1. Tham mưu giúp Trưởng Ban chỉ đạo về các nhiệm vụ tại Đề án phục vụ tiến trình chuyển đổi số quốc gia, gắn kết chặt chẽ với cải cách hành chính; xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số phù hợp với Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 thuộc phạm vi quản lý của cơ quan mình. Kịp thời báo cáo Trưởng Ban chỉ đạo về những vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai nhiệm vụ được giao tại Đề án và đề xuất sáng kiến, giải pháp tháo gỡ vướng mắc, khó khăn.

2. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ban chỉ đạo, trong trường hợp không thể tham dự phải báo cáo và được sự đồng ý của người chủ trì cuộc họp; trường hợp ủy quyền cho người dự họp thay phải tham gia ý kiến bằng văn bản; cùng các thành viên Ban chỉ đạo xem xét, trao đổi, báo cáo Trưởng Ban chỉ đạo quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động của Ban chỉ đạo; chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các ý kiến kết luận UBND tỉnh, Trưởng Ban chỉ đạo liên quan đến ngành, lĩnh vực cơ quan mình phụ trách.

3. Làm đầu mối phối hợp giữa Ban chỉ đạo cơ quan đã cử thành viên đó tham gia Ban chỉ đạo. Cử cán bộ, chuyên gia giỏi, tâm huyết tham gia giúp việc

Ban chỉ đạo; tạo điều kiện cho những cán bộ, chuyên gia này hoàn thành tốt nhiệm vụ được lãnh đạo Ban chỉ đạo giao.

4. Chịu trách nhiệm chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ được giao trong kế hoạch hoạt động hằng năm của Ban chỉ đạo thuộc phạm vi, trách nhiệm của bộ, ngành mình, chỉ đạo xây dựng kế hoạch chi tiết triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng Ban chỉ đạo, Phó Trưởng Ban chỉ đạo giao.

Chương III

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 8. Các cuộc họp của Ban chỉ đạo

1. Ban chỉ đạo tổ chức họp để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình; đánh giá kết quả hoạt động và giải quyết các vướng mắc phát sinh trong triển khai các hoạt động của Ban chỉ đạo. Ban chỉ đạo họp định kỳ 01 tháng/01 lần, sơ kết 06 tháng; họp tổng kết cuối năm hoặc đột xuất theo triệu tập của Trưởng Ban chỉ đạo.

2. Tùy theo tính chất, nội dung cuộc họp, Trưởng Ban chỉ đạo quyết định mời các thành viên Ban chỉ đạo có liên quan và đại diện các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác tham dự cuộc họp của Ban chỉ đạo. Trường hợp không tổ chức họp, thành viên Ban chỉ đạo có ý kiến bằng văn bản về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

3. Thành viên Ban chỉ đạo có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ban chỉ đạo và chuẩn bị nội dung báo cáo phần việc được phân công. Trường hợp vắng mặt, thành viên Ban chỉ đạo có trách nhiệm báo cáo Trưởng ban Ban chỉ đạo hoặc Phó Trưởng Ban chỉ đạo thường trực và cử người có trách nhiệm dự họp thay.

Điều 9. Chế độ làm việc và cơ chế phối hợp

1. Các thành viên Ban chỉ đạo làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

2. Trưởng Ban chỉ đạo, Phó Trưởng Ban chỉ đạo định kỳ hoặc đột xuất làm việc với thành viên Ban chỉ đạo và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan để nghe báo cáo tình hình và chỉ đạo việc thực hiện chương trình, kế hoạch công tác của Ban chỉ đạo.

3. Các thành viên Ban chỉ đạo được quyền giao đơn vị đầu mối chủ trì, huy động các nguồn lực và đội ngũ cán bộ, công chức của cơ quan, đơn vị mình trong thực thi nhiệm vụ được Trưởng Ban chỉ đạo giao; phối hợp với Ban chỉ đạo trong thực hiện nhiệm vụ; báo cáo Trưởng Ban chỉ đạo về kết quả thực hiện.

4. Ban chỉ đạo sử dụng bộ máy giúp việc là Công an tỉnh (là Cơ quan thường trực), đồng thời sử dụng bộ máy của Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông để thực hiện các nhiệm vụ tại Đề án và được huy động các lực lượng có trình độ chuyên môn cao để thực hiện nhiệm vụ được giao.

5. Ban chỉ đạo có trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện tổ chức triển khai các nhiệm vụ tại Đề án. Định kỳ hàng tháng (trước ngày 18 hàng tháng) các sở, ngành, địa phương báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Đề án 06 về Ban chỉ đạo (qua Công an tỉnh) để tổng hợp, báo cáo Tổ Công tác triển khai Đề án 06 của Chính phủ và UBND tỉnh về tình hình, kết quả thực hiện, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Đề án.

Chương IV

ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG CỦA BAN CHỈ ĐẠO

Điều 10. Kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo

1. Kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của UBND tỉnh theo quy định hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Công an tỉnh - Cơ quan thường trực Ban chỉ đạo quản lý kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo theo quy định của Nhà nước.

2. Việc sử dụng kinh phí bảo đảm hoạt động của Ban chỉ đạo thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Các thành viên Ban chỉ đạo và các cơ quan, đơn vị có liên quan, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

2. Phó Trưởng ban thường trực giúp Trưởng Ban chỉ đạo đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các thành viên Ban chỉ đạo báo cáo Trưởng Ban chỉ đạo để xem xét việc sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp./.